TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2022
V/v Tranh chấp về ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Hồ Huy Cường

2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 62/2021/TB-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu Tr, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ 21, ấp XM 1, xã TP, huyện GD, tỉnh TN. Tạm trú: Tổ 1, ấp PB A, xã PT, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ 21, ấp XM 1, xã TP, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị Thu Tr trình bày:

Chị và anh Phạm Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 09-4-2012 AL và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GD, huyện GD vào năm 2012. Nữ trang ngày cưới gồm có 04 chỉ vàng 24K và 08 chỉ vàng 18K, đã bán khi sinh con nên chị không yêu cầu giải quyết. Sau khi cưới anh chị sống chung với cha mẹ ruột anh Đ tại ấp XM 1, xã TP, huyện GD đến khi ly thân.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi, bỏ nhà đi nhiều ngày mới trở về, nhiều lần bị chính quyền địa phương đưa đi cai nghiện ma túy, chị khuyên can nhưng anh Đ không nghe, còn dùng nhiều lời thô tục xúc phạm mẹ chị. Đến tháng 3 năm 2021 DL chị về nhà mẹ ruột sống đến nay, anh Đ có điện thoại năn nỉ về chung sống nhưng chị nhận thấy anh Đ không thay đổi tính tình vì đã cho nhiều cơ hội đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Phạm Thị Mỹ Tr, sinh ngày 18-5-2015 và Phạm Đức T, sinh ngày 03-01-2017, chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình tiến hành tố tụng chị thay đổi yêu cầu, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tr, giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đi làm thuê thu thập 6.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị Tr về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung nên không trình bày bổ sung.

Về nguyên nhân ly hôn theo anh chị Tr trình bày hoàn toàn đúng, tuy nhiên từ sau khi vợ chồng sống ly thân anh không còn sử dụng ma túy, không tu tập bạn bè đi chơi, cờ bạc, hiện anh đã có việc làm và thu nhập. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr. Nữ trang ngày cưới như chị Tr trình bày là đúng, anh không yêu cầu giải quyết.

Về con chung: Có 02 con chung như chị Tr trình bày, trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con, hiện anh làm tài xế xe chở rác thu nhập 7.500.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh Đ; về con chung: Giao cháu Tr cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu T cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: cả hai khai không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu Tr là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Đ là do trong thời gian chung sống anh Đ thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi, bỏ nhà đi nhiều ngày mới trở về, nhiều lần bị chính quyền địa phương đưa đi cai nghiện ma túy. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân đến khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cả hai không có bàn bạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ cả hai không có thiện chí để vợ chồng được đoàn tụ, nên tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh Đ ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Mỹ Tr, sinh ngày 18-5-2015 và Phạm Đức T, sinh ngày 03-01-2017. Chị Tr yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr, giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Tr: Chị Trang có yêu cầu được nuôi cháu Tr, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy từ sau khi chị Tr, anh Đ sống ly thân cháu Tr được chị Tr trực tiếp chăm sóc, chị Tr có thu nhập ổn định 6.000.000 đồng (BL số 55) đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa cháu Tr là nữ. Nên Hội đồng xét xử cần giao cháu Tr cho chị Tr nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu nuôi con của anh Đ: Anh Đ có yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Qua làm việc chị Tr, anh Đ xác nhận hiện anh Đ không còn nghiện ma túy, anh Đ có thu nhập ổn định 7.500.000 đồng/tháng

(BL 43), đủ điều kiện nuôi con, sau khi anh chị sống ly thân cháu Tr không sống chung với anh Đ, cháu T được chị Tr, anh Đ và gia đình anh Đ thay nhau chăm sóc, hơn nữa cháu T là nam. Nên Hội đồng xét xử cần giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị Tr, anh Đ không yêu cầu dưỡng nuôi con.

Chị Tr, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố Tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu Tr đối với anh Phạm Văn Đ.

Chị Trần Thị Thu Tr được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu Tr được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thị Mỹ Tr, sinh ngày 18-5-2015.

Giao cho anh Phạm Văn Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Đức T, sinh ngày 03-01-2017.

Ghi nhận chị Tr, anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tr, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

5. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Tr phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Ghi nhận chị Tr đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng từ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0012915 ngày 15-4-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, được khấu trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND thị trấn Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Quyên